

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ 9
TUẦN 8**

I. Đáp án các câu hỏi tuần 7.

1A	2D	3C	4C	5C	6A	7A	8D	9C	10A
11D	12C	13A	14B	15C	16A	17C	18C	19B	20B
21C	22B	23C	24A	25D	26C	27D	28B	29C	30A
31C	32B	33B	34D	35A	36C	37C	38A	39C	40B

II. Chọn đáp án đúng nhất cho mỗi câu sau.

Câu 1. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Già và ổn định. C. Già và đang có xu hướng trẻ hoá.
B. Trẻ và ổn định. D. Trẻ và đang có xu hướng già hoá.

Câu 2. Vùng nào sau đây có mật độ dân số thấp nhất nước ta?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. C. Tây Nguyên.
B. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 3. Phân bố dân cư ở nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Dân cư tập trung đông đúc ở đồng bằng và đô thị.
B. Mỗi loại hình quần cư phù hợp với điều kiện sống của người dân.
C. Nước ta có sự đa dạng về hình thức quần cư.
D. Mật độ dân cư nước ta thuộc vào loại thấp trên thế giới.

Câu 4. Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế ở nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Công nghiệp – xây dựng có tỉ trọng lao động cao nhất.
B. Nông, lâm, ngư nghiệp có tỉ trọng lao động thấp nhất.
C. Công nghiệp – xây dựng có tỉ trọng lao động thấp hơn nông, lâm, ngư nghiệp.
D. Dịch vụ có tỉ trọng lao động cao hơn nông, lâm, ngư nghiệp.

Câu 5. Nhận định nào sau đây **không** phải là thách thức của nền kinh tế nước ta trong quá trình đổi mới?

- A. Nhiều loại tài nguyên đang bị khai thác quá mức.
B. Môi trường nhiều nơi bị ô nhiễm.
C. Giải quyết việc làm cho người lao động còn khó khăn.
D. Tỉ lệ hộ đói và nghèo không giảm qua các năm.

Câu 6. Trong các cây công nghiệp sau đây, cây nào là cây hàng năm?

- A. Cà phê. B. Cao su. C. Dâu tằm. D. Hồ tiêu.

Câu 7. Cây ăn quả được trồng nhiều ở vùng nào sau đây ?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng.
B. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long.
D. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 8. Đàn lợn có quy mô lớn nhất thuộc các vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.
B. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.
D. Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 9. Ngư trường trọng điểm nào sau đây nằm ở cực nam đất nước?

- A. Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa - Vũng Tàu.
- B. Hải Phòng – Quảng Ninh.
- C. Quần đảo Hoàng Sa – quần đảo Trường Sa.
- D. Cà Mau – Kiên Giang.

Câu 10. Nhà máy nhiệt điện chạy bằng than lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. Phả Lại.
- B. Uông Bí.
- C. Phú Mỹ.
- D. Ninh Bình.

Câu 11. Nguyên nhân nào sau đây làm cho các cơ sở chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa tập trung ven các đô thị lớn?

- A. Gần nguồn nguyên liệu và cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.
- B. Có các cơ sở chăn nuôi bò sữa với quy mô lớn.
- C. Lực lượng lao động có trình độ cao và gần nguồn nguyên liệu.
- D. Gần thị trường tiêu thụ, gần nguồn nguyên liệu.

Câu 12. Nhóm dịch vụ công cộng bao gồm:

- A. tài chính, tín dụng.
- B. quản lí nhà nước, bảo hiểm bắt buộc.
- C. kinh doanh tài sản, tư vấn.
- D. thương nghiệp, dịch vụ sửa chữa.

Câu 13. Giao thông vận tải ở nước ta **không** có vai trò nào sau đây?

- A. Thực hiện các mối liên hệ kinh tế trong và ngoài nước.
- B. Tạo cơ hội phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng khó khăn.
- C. Đảm bảo thông tin kinh tế - xã hội đến với người dân nhanh chóng.
- D. Giúp cho nền kinh tế thị trường hoạt động có hiệu quả.

Câu 14. Các hoạt động dịch vụ còn nghèo nàn ở khu vực nào sau đây?

- A. Nơi đông dân, sản xuất phát triển.
- B. Nơi tập trung nhiều ngành sản xuất.
- C. Các vùng núi, dân cư thưa thớt.
- D. Các vùng đồng bằng, nông thôn.

Câu 15. Ngành thương mại của nước ta bao gồm:

- A. nội thương, ngoại thương.
- B. bưu chính, viễn thông.
- C. dịch vụ việc làm, du lịch.
- D. dịch vụ văn hoá, khoa học công nghệ.

Câu 16. Tỉnh nào ở Trung du và miền núi Bắc Bộ giáp với cả Lào và Trung Quốc?

- A. Lào Cai.
- B. Điện Biên.
- C. Lai Châu.
- D. Hà Giang.

Câu 17. Tiểu vùng Tây Bắc thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh chủ yếu nào sau đây ?

- A. Phát triển thủy điện.
- B. Phát triển nhiệt điện.
- C. Khai thác khoáng sản.
- D. Nuôi trồng, đánh bắt hải sản.

Câu 18. Đô thị nào sau đây ở Đồng bằng sông Hồng được thành lập từ năm 1010, nay là thủ đô Hà Nội ?

- A. Cổ Loa.
- B. Phú Xuân.
- C. Phố Hiến.
- D. Thăng Long.

Câu 19. Dựa vào điều kiện nào sau đây để Đồng bằng sông Hồng phát triển vụ đông thành vụ chính?

- A. Địa hình bằng phẳng.
- B. Đất phù sa sông có độ phì cao.
- C. Mạng lưới sông dày đặc.
- D. Khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh.

Câu 20. Sự phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Người Kinh sống chủ yếu ở đồng bằng, ven biển.
- B. Người dân tộc ít người chủ yếu sống ở phía tây.
- C. Hiện nay các dân tộc phân bố đan xen khá phổ biến.
- D. Tỷ lệ dân thành thị của vùng cao hơn tỷ lệ chung cả nước.

Câu 21. Ở Bắc Trung Bộ, cửa khẩu Lao Bảo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An.
- B. Hà Tĩnh.
- C. Quảng Bình.
- D. Quảng Trị.

- Câu 22.** Các dân tộc Cơ-tu, Ra-glai, Ba-na, Ê-đê vùng Duyên hải Nam Trung Bộ chủ yếu sống ở
- A. khu vực đồng bằng ven biển. C. các đảo ven bờ biển.
 B. khu vực đồi núi phía tây. D. khu vực phố cổ Hội An.
- Câu 23.** Nhà máy lọc dầu Dung Quất thuộc tỉnh nào sau đây?
- A. Quảng Nam. B. Quảng Ngãi. C. Bình Định. D. Ninh Thuận.
- Câu 24.** Tây Nguyên có khí hậu
- A. nhiệt đới. B. cận xích đạo. C. cận nhiệt đới. D. ôn đới.
- Câu 25.** Núi Lang Biang thuộc tỉnh nào sau đây?
- A. Gia Lai. B. Lâm Đồng. C. Đắk Lắk. D. Kon Tum.
- Câu 26.** Trong các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Đông Nam Bộ, **không** có mặt hàng nào sau đây?
- A. Dầu thô. C. Hàng dệt may.
 B. Thực phẩm chế biến. D. Lúa gạo.
- Câu 27.** Tỉnh trồng nhiều cao su nhất ở Đông Nam Bộ là
- A. Đồng Nai. B. Bình Dương. C. Tây Ninh. D. Bình Phước.
- Câu 28.** Sản phẩm nào sau đây **không** phải là mặt hàng xuất khẩu chủ lực ở Đồng bằng sông Cửu Long?
- A. Lúa gạo. C. Hoa quả.
 B. Thủy sản đông lạnh. D. Gia cầm chế biến.
- Câu 29.** Cây công nghiệp lâu năm nào sau đây được trồng nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long?
- A. Cao su. B. Cà phê. C. Dừa. D. Chè.
- Câu 30.** Nhà máy lọc dầu đầu tiên được xây dựng ở nước ta là
- A. Nghi Sơn thuộc tỉnh Thanh Hoá.
 B. Dung Quất thuộc tỉnh Quảng Ngãi.
 C. Long Sơn thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
 D. Vũng Rô thuộc tỉnh Phú Yên.
- Câu 31.** Số lượng quận nội thành của thủ đô Hà Nội hiện nay là
- A. 12. B. 17. C. 29. D. 30.
- Câu 32.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết vùng nào sau đây có nhiều cảng biển nhất nước ta?
- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
 B. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Cửu Long.
- Câu 33.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết số lượng các trung tâm công nghiệp của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là bao nhiêu?
- A. 4. B. 5. C. 6. D. 7.
- Câu 34.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết đàn bò sữa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ được phát triển mạnh trên cao nguyên nào?
- A. Sơn La. B. Mộc Châu. C. Tà Phình. D. Sín Chải.
- Câu 35.** Theo Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, các bãi tắm ở Bắc Trung Bộ lần lượt từ bắc xuống nam là
- A. Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, Đá Nhảy, Lăng Cô.
 B. Cửa Lò, Sầm Sơn, Đá Nhảy, Thiên Cầm, Lăng Cô.
 C. Sầm Sơn, Thiên Cầm, Cửa Lò, Lăng Cô, Đá Nhảy.
 D. Đá Nhảy, Sầm Sơn, Cửa Lò, Lăng Cô, Thiên Cầm.
- Câu 36.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết bão ở vùng Bắc Trung Bộ tập trung chủ yếu vào những tháng nào ?
- A. Tháng IV và tháng V. C. Tháng VIII và tháng IX.
 B. Tháng VI và tháng VII. D. Tháng XI và tháng XII.

Câu 37. Cho bảng số liệu:

Cơ cấu lực lượng lao động phân theo thành thị và nông thôn nước ta, giai đoạn 2000 – 2014 (Đơn vị: %)

Khu vực	Năm	2000	2005	2007	2010	2014
Thành thị		24,2	26,9	28,2	30,5	33,1
Nông thôn		75,8	73,1	71,8	69,5	66,9

Nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu lực lượng lao động phân theo thành thị và nông thôn nước ta, giai đoạn 2000 – 2014?

- A. Lao động thành thị giảm tỉ trọng.
- B. Lao động nông thôn tăng tỉ trọng.
- C. Lao động thành thị có tỉ trọng thấp hơn nông thôn.
- D. Lao động nông thôn có tỉ trọng thấp hơn thành thị.

Câu 38. Cho bảng số liệu:

Mật độ dân số các vùng nước ta năm 2015 (Đơn vị: người/km²)

Vùng	Mật độ dân số
Trung du và miền núi Bắc Bộ	128
Đồng bằng sông Hồng	1 318
Bắc Trung Bộ	234
Duyên hải Nam Trung Bộ	207
Tây Nguyên	103
Đông Nam Bộ	684
Đồng bằng sông Cửu Long	434
Cả nước	277

Nhận xét nào sau đây đúng về mật độ dân số nước ta năm 2015?

- A. Mật độ dân số thấp nhất là vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B. Mật độ dân số của cả nước thấp hơn vùng Tây Nguyên.
- C. Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất.
- D. Đông Nam Bộ có mật độ dân số thấp hơn Bắc Trung Bộ.

Câu 39. Cho bảng số liệu:

Sản lượng dầu thô khai thác, khí tự nhiên, dầu thô xuất khẩu của nước ta, giai đoạn 2000 – 2015

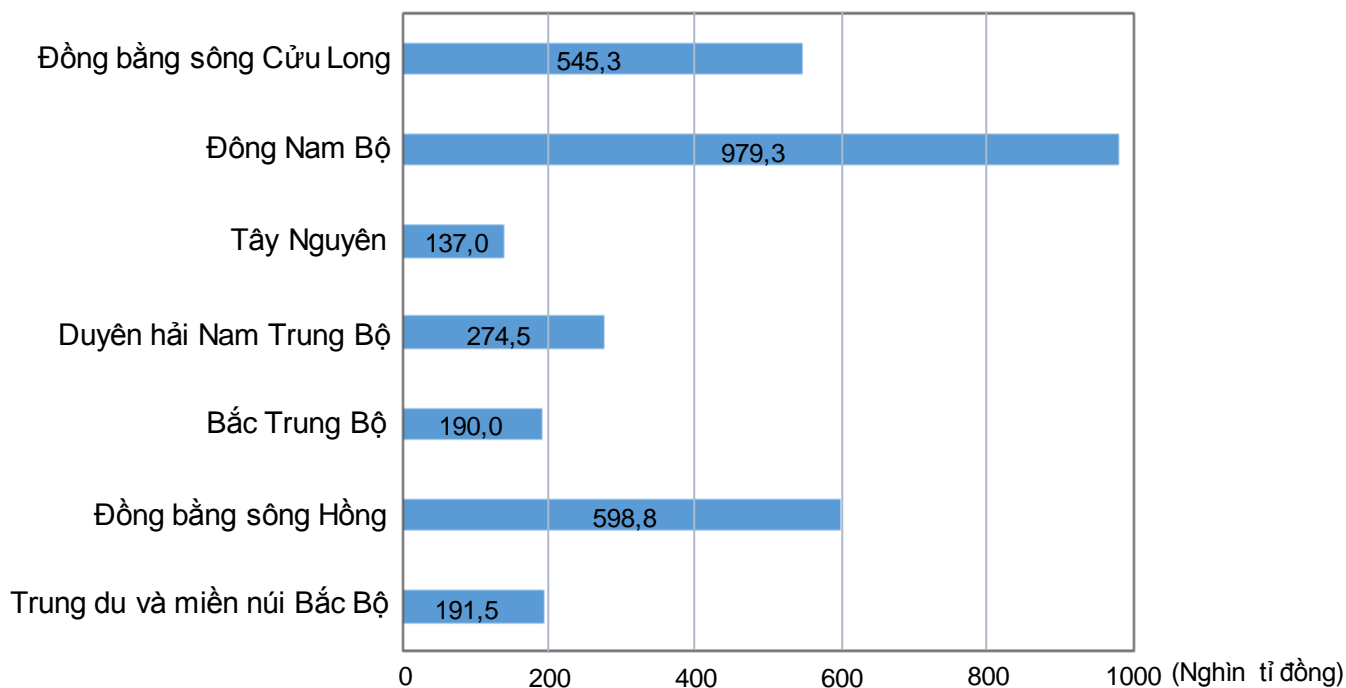
Sản lượng	Năm	2000	2005	2010	2015
Dầu thô khai thác (triệu tấn)		16,3	18,5	15,0	18,7
Khí tự nhiên (tỉ m ³)		1,6	6,4	9,4	10,7
Dầu thô xuất khẩu (triệu tấn)		15,4	18,0	8,1	9,2

Lấy sản lượng năm 2000 = 100%, biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình tăng trưởng sản lượng dầu thô khai thác, khí tự nhiên, dầu thô xuất khẩu của nước ta giai đoạn 2000 – 2015 là

- A. biểu đồ tròn.
- B. biểu đồ đường.
- C. biểu đồ cột.
- D. biểu đồ kết hợp.

Câu 40. Cho biểu đồ:

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phân theo vùng, năm 2014



Nhận xét nào về tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của các vùng kinh tế ở nước ta đúng với biểu đồ trên?

- A. Đông Nam Bộ cao gấp 1,6 lần so với Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đồng bằng sông Hồng thấp hơn so với Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đông Nam Bộ cao gấp 4,3 lần so với Tây Nguyên.
- D. Đồng bằng sông Hồng cao gấp 7,1 lần so với Tây Nguyên.

III. Trong study.hanoi.edu.vn: Học sinh làm đề Ôn tập THCS – đề 15.

-----Hết-----